

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày 26 -7-2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Kiệm.

Ông Tống Đăng Mạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Việt Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 42/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: TDP T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Thân Văn P, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và những lời khai tiếp theo ông Nguyễn Trọng M trình bày:

Ông và anh P, chị Y có quan hệ quen biết từ trước nên khi anh P cần tiền để làm việc và có hỏi vay tiền ông nhiều lần. Lần đầu anh P, chị Y vay ngày 16/8/2020 (âm lịch) số tiền 60.000.000 đồng; Lần thứ 2 anh P, chị Y vay ngày 19/8/2020 (âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng. Cả 2 lần vay này đều là anh P viết giấy vay tiền sau đó chị Y viết giấy xác nhận nợ. Lần thứ 3 anh P, chị Y vay ngày 26/01/2021 (âm lịch) số tiền 40.000.000 đồng, lần này cả anh P và chị Y đều ký vào giấy vay tiền. Lần thứ 4 anh P, chị Y vay ngày 03/6/2021 (âm lịch) số tiền 31.000.000 đồng, lần này một mình anh P ký giấy vay do chị Y bận không đến. Cả 4 lần vay ông đều không tính

lãi, ông với anh P, chị Y đều thoả thuận miệng khi nào ông cần thì bảo anh P, chị Y sẽ trả. Tổng số tiền anh P, chị Y vay của ông 4 lần trên là 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu đồng). Số tiền trên là tài sản của cá nhân ông, không liên quan đến ai. Sau khi vay được khoảng 1 năm, đến đầu năm 2022 do có việc cần dùng đến tiền nên ông đã yêu cầu anh P, chị Y trả tiền nhưng anh P, chị Y hẹn nhiều lần mà vẫn không trả. Ông xác định anh P, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Nay ông đề nghị Toà án buộc anh P, chị Y trả ông số tiền 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu đồng), về lãi suất ông không yêu cầu.

Bị đơn anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y.

Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2024, bà Mạc Thị P1, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Bà là mẹ đẻ của anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y là con dâu bà. Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh P, chị Y đến Tòa án làm việc bà đã thông báo cho anh P, chị Y biết nhưng anh P, chị Y không nói gì, cũng không nói ngày về. Anh P đi làm ăn khoảng vài tháng mới về nhà một lần, bà chỉ biết đi làm cai xây dựng còn cụ thể ở đâu bà không biết. Chị Y đi làm công ty khoảng 3 – 4 tuần mới về nhà một lần. Bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh P, chị Y qua số điện thoại.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2024, địa phương cho biết: Anh Thân Văn P, sinh năm 1994, chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên anh P thường xuyên làm ăn xa nhà, khoảng 2 – 3 tháng mới về nhà một lần, chị Y đi làm công ty khoảng vài tuần mới về nhà một lần. Anh P, chị Y đi đâu, làm gì không khai báo tạm vắng với địa phương nên địa phương không biết anh P, chị Y hiện làm gì, ở đâu.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2024, địa phương cho biết: Người làm chứng là ông Thân Văn T, sinh năm 1977 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên ông T hay đi làm ăn xa nhà, thời điểm Tòa án đến làm việc ông T không có mặt tại địa phương. Ông T đi đâu, làm gì không khai, không báo tạm vắng nên địa phương không biết ông T hiện làm gì, ở đâu.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trọng M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y phải trả ông số tiền 161.000.000 đồng, ông không yêu cầu anh P, chị Y phải trả tiền lãi.

Bị đơn anh **Thân Văn P**, chị **Nguyễn Thị Y** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử công bố tài liệu hồ sơ có trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466, Điều 469; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Trọng M**: Buộc anh anh **Thân Văn P**, chị **Nguyễn Thị Y** phải trả ông **Nguyễn Trọng M** số tiền là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc anh anh **Thân Văn P**, chị **Nguyễn Thị Y** phải chịu toàn bộ 8.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông **Nguyễn Trọng M** số tiền 4.025.000 đồng ông **M** đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0006029 ngày 05 tháng 3 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông **Nguyễn Trọng M** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh **Thân Văn P**, chị **Nguyễn Thị Y** trả số tiền nợ 161.000.000 đồng theo các giao dịch được xác lập ngày 16/8/2020 (âm lịch), 19/8/2020 (âm lịch), 21/01/2021 (âm lịch) và 03/6/2021. Anh

Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y đều có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Theo Công văn số 1570/QLXNC ngày 05/6/2024 của Phòng Q Công an tỉnh B về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y thì anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y không có thông tin hộ chiếu và xuất nhập cảnh. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác nhận của người thân của anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y cũng như chính quyền địa phương thì hiện anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y vẫn cư trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện nay anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y đang làm ở đâu gia đình, địa phương không rõ. Anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y cũng không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay cho ông Nguyễn Trọng M biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 3 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự được xem là anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thân Văn P và chị Nguyễn Thị Y theo thủ tục chung.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng:

Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu. Giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập vào năm 2020 và 2021 tại thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Trọng M với anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y thì thấy: Việc vay mượn đã được ông Nguyễn Trọng M, anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, mục đích và nội dung giao kết không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Trọng M với anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Tại các giấy vay tiền do ông Nguyễn Trọng M giao nộp thể hiện anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y vay của ông M bốn lần với tổng số tiền là 161.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong các giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Trọng M với anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y có thể hiện ngày 16/8/2020 (âm lịch) anh P vay của ông M số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); ngày 19/8/2020 (âm lịch) anh P vay của ông M số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai lần này anh P đều ký vào phần người vay, sau đó chị Y viết giấy xác nhận hai khoản nợ trên. Ngày 26/01/2021 (âm lịch) anh P, chị Y vay của ông M số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi

triệu đồng) và anh P, chị Y đều ký vào giấy vay tiền này. Ngày 03/6/2021 anh P vay của ông M số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng) và anh P ký vào giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà P1 (mẹ anh P) đã thông báo cho anh P, chị Y biết Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh P, chị Y đến Toà án làm việc về việc ông Nguyễn Trọng M có đơn khởi kiện yêu cầu anh P, chị Y phải thanh toán số tiền nợ 161.000.000 đồng nhưng anh P, chị Y không đến Toà án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi.

Đối với giấy vay tiền ngày 03/6/2021 (âm lịch) tuy chỉ có một mình anh P ký vào giấy vay tiền. Nhưng anh P, chị Y là vợ chồng, chị Y không trình bày ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng minh anh P vay tiền sử dụng vào mục đích riêng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh P, chị Y có vay của ông M số tiền 161.000.000 đồng. Giao dịch vay tiền giữa các bên là vay không kỳ hạn nên ông M có quyền đòi anh P, chị Y bất cứ khi nào, ông M đã trình bày khi ông cần tiền để sử dụng, ông đã đòi anh P, chị Y nhiều lần nhưng anh P, chị Y không trả, nên anh P, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với số tiền lãi do ông M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Do vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự 2015 buộc anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y phải trả ông Nguyễn Trọng M số tiền là 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Đối với người làm chứng ông Thân Văn T, quá trình giải quyết vụ án Toà án có đến nhà làm việc nhưng ông T không có nhà, đại diện Công an xã N cũng xác định ông T hay đi làm ăn xa nhà, thời điểm Tòa án đến làm việc ông T không có mặt tại địa phương. Vì vậy Toà án không lấy được lời khai của ông T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên bị đơn anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 105; Điều 117; Điều 119; Điều 184; Điều 463; Điều 466, Điều 469; Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng M: Buộc anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Trọng M số tiền là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc anh Thân Văn P, chị Nguyễn Thị Y phải chịu 8.050.000 đồng (tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Trọng M số tiền 4.025.000 đồng (bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) ông M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0006029 ngày 05 tháng 3 năm 2024.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ngọc Hà

